6. Thông tin về điểm trường (HS)

TT	Tên điểm trường	Lớp ghép	Lớp 1							Lớp 2							Lớp 3							Lớp 4							Lớp 5					
			Số lớp	Học sinh						Số lớp	Học sinh						Số lớp	Học sinh						Số lớp	Học sinh						Số lớp	Học sinh				
				Tổng số	Trong tổng số						Tổng số	Trong tổng số						Tổng số	Trong tổng số						Tổng số	Trong tổng số						Tổng số	Trong tổng số				
					Nữ	dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật			Nữ	dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật			Nữ	dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật			Nữ	dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật			Nữ	dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép
	Cộng	2	7	152	78	149	76	16	1	7	164	85	162	84	12	3	5	153	66	153	66	0	2	4	134	67	132	66	0	1	5	160	75	154	73	0
1	Trường PTDTBT tiểu học Ma	0	3	74	38	71	36	0	1	3	86	47	84	46	0	2	5	153	66	153	66	0	2	4	134	67	132	66	0	1	5	160	75	154	73	0
2	Hô Chim	0	1	18	8	18	8	0	0	1	24	13	24	13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Huổi Mí	0	1	22	11	22	11	0	0	1	24	13	24	13	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Huổi Quang 1	0	1	22	13	22	13	0	0	1	18	6	18	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Huổi Chua	1	1	13	6	13	6	13	0	0	7	3	7	3	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Huổi Quang 2	1	0	3	2	3	2	3	0	1	5	3	5	3	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

| | | |